TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2024/HC-PT
Ngày : 09 - 4 - 2024
V/v : Khiếu kiện quyết định hành chính về cấp Giấy CNQSD đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 476/2021/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3454/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Hoàng Minh K, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Luật sư Phạm Hồng K1 - Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân & Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Kim L, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T; vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Nguyễn Trọng Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã K: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Công chức địa chính xã P; vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971;

3. Chị Hoàng Thị Bích N, sinh năm 1995;

4. Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: Đ, thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội *(đều ủy quyền cho ông Hoàng Minh K đại diện tham gia tố tụng và đề nghị xét xử vắng mặt).*

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Hoàng Minh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Gia đình ông Hoàng Minh K, bà Nguyễn Thị L1 sử dụng thửa đất số 165, tờ bản đồ số 11 tại xã P, huyện T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc do cha ruột của ông Hoàng Minh K là cụ Hoàng Văn K2 để lại. Diện tích thửa đất được xác định là 562 m^2. Trên đất có công trình nhà ở, vật kiến trúc và một phần trồng rau màu.

Thực hiện chủ trương, ông Hoàng Minh K và vợ là bà Nguyễn Thị L1 kê khai, làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt: UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 theo Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 31-12-2007. Cụ thể, ông Hoàng Minh K và bà Nguyễn Thị L1 được công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Diện tích đất được công nhận như sau:

- Diện tích được công nhận sử dụng: 562 m^2.

- Hình thức sử dụng đất: Sử dụng riêng 562 m^2.

- Mục đích sử dụng đất: 200 m^2 là loại đất ở nông thôn với thời hạn sử dụng lâu dài, 362 m^2 là loại đất trồng cây lâu năm có thời hạn sử dụng 50 năm (đến 01-12-2057).

Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 xác định tên chủ sử dụng đất ông Hoàng Văn K3 và bà Nguyễn Thị L1 là chưa chính xác nên ngày 07-8-2012 Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện T đã đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 xác định tên chủ sử dụng đất là ông Hoàng Minh K và bà Nguyễn Thị L1.

Ông Hoàng Minh K khiếu nại với nội dung không đồng ý việc chứng nhận quyền sử dụng theo từng loại đất thì được Chủ tịch UBND xã P giải quyết tại Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 26-3-2013 có nội dung: Không cơ sở xem xét, giải quyết.

Ngày 24-9-2013, UBND huyện T nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Minh K đề ngày 14-9-2013. Sau khi xem xét nội dung khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 06-6-2014 giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung: Khiếu nại của ông Hoàng Minh K là không có cơ sở.

Ông Hoàng Minh K tiếp tục gửi đơn đến UBND thành phố Hà Nội, ngày 03-12-2014, UBND thành phố Hà Nội ban hành Văn bản số 9452/UBND-BTCD để giao cho Chủ tịch UBND huyện T: Thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 06-6-2014 và làm rõ nội dung đơn của ông Hoàng Minh K.

Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 4703/QĐ-UBND ngày 06-8-2015 để thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 2900/QĐ-UBND ngày 06-6-2014 về giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Minh K, tiếp tục giao cho cơ quan Thanh tra tham mưu giải quyết khiếu nại liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thanh tra huyện T đã tiến hành xác minh và có Báo cáo số 549/BC-TTr ngày 24-11-2015 về kết quả thanh tra. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 07-12-2015 giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Minh K có nội dung:

Thửa đất số 165 do Hộ gia đình ông Hoàng Minh K sử dụng, trước năm 2000 là một phần trong 02 thửa đất cũ mang số 32 và 34 ở thôn T, xã P, huyện T. Tại thời điểm 15-6-2005 kê khai, đăng ký để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông Hoàng Minh K có nhà ở và công trình trên diện tích 200 m^2 đất, số còn lại sử dụng làm vườn và không có giấy tờ sử dụng đất nên thuộc diện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và hạn mức công nhận quyền sử dụng đất theo Điều 2, Điều 6 Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23-6-2006 của UBND tỉnh H. UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 165, diện tích 562 m^2 cho Hộ gia đình ông Hoàng Minh K, trong đó có 200 m^2 đất ở và 362 m^2 đất trồng cây lâu năm là đúng quy định; khiếu nại của ông Hoàng Minh K là sai.

Ông Hoàng Minh K tiếp tục khiếu nại lần hai nên Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung: Đồng ý với Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 07-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Minh K.

Ngày 06-01-2017 ông Hoàng Minh K nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2017, ngoài việc yêu cầu hủy Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 như đã nêu trên, ông Hoàng Minh K còn đề nghị được công nhận quyền sử dụng diện tích 562 m^2 cho Hộ gia đình đều là đất ở.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 09-10-2018, ông Hoàng Minh K bổ sung yêu cầu khởi kiện, theo đó đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội:

- Hủy Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 07-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hà Nội.

- Hủy Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

- Thu hồi hoặc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 do UBND huyện T đã cấp ngày 31-12-2007, theo hướng công nhận quyền sử dụng diện tích 562 m^2 cho Hộ gia đình đều là đất ở.

Lý do khởi kiện của ông Hoàng Minh K được nêu trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, đồng thời cũng là quan điểm của các thành viên trong hộ gia đình ông Hoàng Minh K như sau:

- Thửa đất số 165 nêu trên của hộ gia đình sử dụng có nguồn gốc từ năm 1984 được cấp đất giãn dân. Cụ thể:

+ Cụ Hoàng Văn K2 là cha ruột của ông Hoàng Minh K được cấp 01 diện tích đất giãn dân.

+ Cụ Hoàng Văn H1 là chú ruột của ông Hoàng Minh K được cấp 01 diện tích đất giãn dân.

+ Ông Cấn Văn C được cấp 01 diện tích đất giãn dân.

Tuy không giấy tờ về hoạt động giao đất giãn dân nêu trên nhưng ông Hoàng Minh K cùng người đại diện theo ủy quyền và Luật sư cho rằng nội dung này đã được thể hiện tại các quyết định giải quyết khiếu nại. Cùng năm 1984 cụ K2 chuyển đổi đất trong làng để nhận quyền sử dụng diện tích đất của cụ H1 được cấp giãn dân. Năm 1989, cụ K2 nhận chuyển nhượng diện tích đất mà cụ C được cấp đất giãn dân. Năm 2001 cụ Hoàng Văn K2 gộp cả 3 diện tích đất nêu trên để chia cho 2 con là ông Hoàng Minh K và ông Hoàng Chí T.

Ông Hoàng Minh K cho rằng toàn bộ diện tích 562 m^2 đất của mình đều có nguồn gốc từ đất giãn dân, tức là đất ở. Các gia đình khác, trong đó có cả em trai là ông Hoàng Chí T cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với toàn bộ diện tích là đất ở. Việc sử dụng đất là ổn định, phù hợp quy hoạch đất ở tại địa phương. Do đó, ông Hoàng Minh K khởi kiện đề nghị hủy các quyết định hành chính nêu trên.

* Tại Văn bản số 2413/UBND-TTr ngày 01-11-2017 và Văn bản số 1683/UBND-TTr ngày 04-9-2018, Chủ tịch UBND & UBND huyện T trình bày:

Diện tích 562 m^2 thuộc thửa đất số 165, tờ bản đồ số 11 xã P, huyện T, thành phố Hà Nội hình thành từ 02 thửa đất số 32 diện tích 610 m^2 đứng tên sử dụng ông Hoàng Văn L2 (anh trai ông Hoàng Minh K) và thửa đất số 34, diện tích 266 m^2 đứng tên ông Cấn Văn C thuộc tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1986.

Năm 2000 đo đạc lại bản đồ thì thửa đất số 32 và thửa số 34, tờ bản đồ số 6 đo đạc năm 1986 hình thành 02 thửa đất:

- Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 11 tại xã P, huyện T, thành phố Hà Nội có diện tích 562 m^2 đứng tên ông Hoàng Minh K.

- Thửa đất số 160, tờ bản đồ số 11 tại xã P, huyện T, thành phố Hà Nội có diện tích 470 m^2 đứng tên ông Hoàng Chí T (em ruột ông Hoàng Minh K).

Có việc thay đổi vị trí và người kê khai sử dụng đất như trên là do trong gia đình có sự chuyển đổi và phân chia đất. Chủ tịch & UBND huyện T khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 165, với diện tích 562 m^2 đất theo hạn mức 200 m^2 đất ở và 362 m^2 còn lại là đất trồng cây lâu năm là

đúng quy định tại tại khoản 4 Điều 50, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2003, Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và Điều 6 Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23-6-2006 của UBND tỉnh H.

* Tại Văn bản số 6062/UBND-ĐT ngày 28-11-2017, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội trình bày quan điểm như sau:

- Theo quy định tại điểm 2 mục 5 Quyết định số 201-CP ngày 01-7-1980 của Hội đồng Chính phủ, Điều 23 Luật Đất đai năm 1993, Điều 37 Luật Đất đai năm 2003 thì việc năm 1986 UBND xã P và Hợp tác xã N1 giao cho Hộ gia đình cụ Hoàng Văn K2 (cha ruột ông Hoàng Minh K) và Hộ gia đình cụ Hoàng Văn H1 (em ruột cụ Hoàng Văn K2, chú ruột ông Hoàng Minh K) mỗi gia đình 01 suất đất có diện tích khoảng 240 m^2 để làm nhà ở tại khu R (nay là xóm C), thôn T, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội là trái thẩm quyền. Tuy nhiên, 02 hộ gia đình không có giấy tờ chứng minh việc giao đất và đã nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 16 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và điểm 1 Mục 3 Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31-01-2008 của Bộ T1 - Bộ T2.

- Ngày 31/12/2007, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 cho vợ chồng ông Hoàng Minh K, bà Nguyễn Thị L1 theo hạn mức đất ở và đất trồng cây lâu năm là đúng quy định tại khoản 4 Điều 50, khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2003, Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và Điều 6 Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23-6-2006 của UBND tỉnh H.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội cho rằng Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 giải quyết khiếu nại đối với ông Hoàng Minh K là đúng, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

* Tại Văn bản số 121/BC-UBND ngày 28-8-2018 của UBND xã P cũng thể hiện:

Thửa đất 165 của gia đình ông Hoàng Minh K sử dụng được hình thành từ một phần của 2 thửa đất số 32 và 34, tờ bản đồ lập 1986 mang tên ông Hoàng Văn L2 (anh trai của ông Hoàng Minh K) và ông Cấn Văn C. Nguồn gốc đất do UBND xã P và Hợp tác xã N1 cấp không thu tiền sử dụng đất, không giấy tờ, không sơ đồ hay biên bản bàn giao đất.

Ngày 04-7-1989 ông Cấn Văn C chuyển nhượng đất cho cụ Hoàng Văn K2 có xác nhận của UBND xã P.

Năm 2001 đo đạc bản đồ số 11 xã P đã hình thành thửa đất số 165 đứng tên sử dụng là ông Hoàng Minh K với diện tích 562 m^2. Phần còn lại của thửa đất 32 và thửa đất số 34 tờ bản đồ đo đạc năm 1986 hình thành thửa đất số 160, diện tích 470 m^2 do ông Hoàng Chí T là em trai ông Hoàng Minh K kê khai sử dụng.

Hiện trạng và quá trình sử dụng đất của ông Hoàng Minh K là ổn định, phù hợp quy hoạch.

* Kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp về tài liệu,

chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án; không yêu cầu, đề nghị Tòa án xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ. Các đương sự không tranh chấp về thẩm quyền, trình tự thủ tục mà UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không tranh chấp về thẩm quyền và trình tự 2 cấp Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại. Các đương sự cũng không tranh chấp về tổng số diện tích thửa đất mà UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Hoàng Minh K, bà Nguyễn Thị L1. Nội dung mâu thuẫn giữa các đương sự là việc UBND huyện T xác định 362 m^2 đất trong tổng số 562 m^2 là đất trồng cây lâu năm. Theo đó, ông Hoàng Minh K cho rằng toàn bộ 562 m^2 phải là đất ở. Còn UBND huyện T xác định trong tổng số 562 m^2 chỉ có 200 m^2 được công nhận theo hạn mức công nhận đất ở, 362 m^2 là đất trồng cây lâu năm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Điều 50, khoản 1 Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 40 Luật Khiếu nại; khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; Điều 2, Điều 6 Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23-6-2006 của UBND tỉnh H; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh K đề nghị hủy một phần Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 31-12-2007 của UBND huyện T về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 11 xã P, huyện T, thành phố Hà Nội cho Hộ gia đình ông Hoàng Minh K.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh K đề nghị hủy các quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan gồm:

- Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 07-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện T, thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

3. Bác yêu cầu của ông Hoàng Minh K đề nghị UBND huyện T thu hồi hoặc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 do UBND huyện T đã cấp ngày 31-12-2007.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/01/2021, người khởi kiện ông Hoàng Minh K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt; xác định bản án sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật.

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo và không xuất trình thêm bản sao một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của

một số hộ dân thể hiện tại cùng vị trí, cùng thời điểm năm 2007, 2008 nhiều hộ dân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất ở lớn hơn 200m^2 mà gia đình ông được cấp và cho rằng đó là căn cứ để xác định ông phải được công nhận toàn bộ diện tích 562m^2 là đất ở.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự tại phiên tòa có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính;

+ Về nội dung: Ông K cho rằng 562m^2 đất đang quản lý và sử dụng là diện tích bố ông là cụ Hoàng Văn K2 được Ủy ban nhân dân xã K và Hợp tác xã N1 cấp đất giãn dân. Sau đó bố ông nhận chuyển nhượng từ cụ Hoàng Văn H1, Cấn Văn C nhưng ông K không cung cấp được tài liệu thể hiện có việc cấp đất cho cụ K2, cụ H1 và cụ C, không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng, đổi đất giữa các cụ. Do đó Ủy ban nhân dân huyện T công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức quy định tại Điều 2, Điều 6 Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh H với hạn mức đất thổ cư là 200 m^2 là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh K, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Kháng cáo của ông Hoàng Minh K có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến lần thứ 2. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vụ án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32, giải quyết vụ án đúng thời hiệu theo quy định tại khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của ông Hoàng Minh K.

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết khiếu nại: UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Hoàng Minh K là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003.

Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Hoàng Minh K là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 40 Luật Khiếu nại. Ông Hoàng Minh K cũng không có ý kiến về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về thẩm quyền, trình tự giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

[4.2] Về nội dung: Ông Hoàng Minh K cho rằng UBND huyện T xác định loại đất của gia đình ông gồm đất ở 200m^2 theo hạn mức và đất trồng cây lâu năm là 362m^2 là không đúng; ông cho rằng phải xác định toàn bộ diện tích 562 m^2 đất của gia đình ông Hoàng Minh K sử dụng đều là đất ở. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện T hoặc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 do UBND huyện T đã cấp ngày 31-12-2007 và hủy bỏ một phần quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 31-12-2007 của UBND huyện T về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của gia đình ông; hủy 02 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

[4.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ diện tích 562 m^2 đất của gia đình ông Hoàng Minh K sử dụng đều có nguồn gốc do UBND xã P và Hợp tác xã N1 cấp trái thẩm quyền vào thời điểm trước năm 1993, không lập Quyết định giao đất, biên bản giao đất, sơ đồ giao đất. Không chứng cứ thể hiện khi được giao đất các Hộ gia đình đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Tại phiên tòa, ông Hoàng Minh K cũng thừa nhận giấy tờ sử dụng đất của mình chỉ là bản đồ địa chính lập năm 2001. Trước đó, một phần diện tích là thửa số 32 đứng tên ông Hoàng Văn L2 (anh ruột ông Hoàng Minh K) và một phần thửa số 34 đứng tên ông Cấn Văn C trong Sổ mục kê lập tại thời điểm năm 1986. Ngoài ra, ông Hoàng Minh K không cung cấp được giấy tờ sử dụng đất khác. Hai loại giấy tờ nêu trên không phải là Giấy tờ sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Diện tích đất ông Hoàng Minh K và bà Nguyễn Thị L1 sử dụng không giấy tờ hợp pháp nên việc công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải theo hạn mức quy định tại Điều 2, Điều 6 Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23-6-2006 của UBND tỉnh H. Do đó, UBND huyện T xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Hoàng Minh K và bà Nguyễn Thị L1 theo trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng hạn mức đất ở 200 m^2 với thời hạn sử dụng lâu dài, còn lại 362 m^2 là đất trồng cây lâu năm với thời hạn 50 năm là có căn cứ.

[5] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 31-12-2007 của UBND huyện T về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 11 xã P, huyện T, thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 đã cấp cho

hộ gia đình ông Hoàng Minh K là có căn cứ, đúng pháp luật nên đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh K là đúng.

[6] Các Quyết định số 8045/QĐ-UBND ngày 07-12-2015 của Chủ tịch UBND huyện T và Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 06-12-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết bác khiếu nại của ông Hoàng Minh K đối với Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 31-12-2007 của UBND huyện T, bác yêu cầu của ông buộc UBND huyện Thạch Thất thu hồi hoặc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 817635 do UBND huyện T đã cấp ngày 31-12-2007 cho hộ gia đình ông là đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông K đề nghị hủy 02 quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là đúng pháp luật.

[7] Tại giai đoạn phúc thẩm, ông K có xuất trình bản sao một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của một số hộ dân thể hiện tại cùng vị trí, cùng thời điểm năm 2007, 2008 nhiều hộ dân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất ở lớn hơn 200m^2 mà gia đình ông được cấp và cho rằng đó là căn cứ để xác định ông phải được công nhận toàn bộ diện tích 562m^2 là đất ở. Hội đồng xét xử xét thấy mỗi một trường hợp cụ thể có thể có nguồn gốc sử dụng đất khác nhau (được tặng cho, chuyển nhượng hợp pháp), mặt khác không có hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của họ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đánh giá. Tuy nhiên, tại văn bản số 121/BC-UBND ngày 28-8-2018 của UBND xã P xác định *"…hiện trạng và quá trình sử dụng đất của ông Hoàng Minh K là ổn định, phù hợp quy hoạch*", ông K lại là người khuyết tật, được hưởng trợ cấp xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị UBND xã P, UBND huyện T, thành phố Hà Nội xem xét, giải quyết nguyện vọng của ông K nếu phù hợp với những quy định, chính sách của địa phương tại thời điểm hiện nay.

[8] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh K. Quan điểm của Kiểm sát viên về việc bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng Minh K là người khuyết tật, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo để miễn án phí cho ông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Minh K. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Minh K.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh